TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 11 năm 2018
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lưu Thị Hằng**
- Các hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Nhớ

Ông Đỗ Xuân Phi.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 369/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/8/2018, về tranh chấp *"Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 369/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 369/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1989; Nghề nghiệp: Nhân viên Marketing. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Đỗ Trần Tú L**, sinh năm 1984; Nghề nghiệp: Lái xe;

Cùng địa chỉ: Số 93 đường L, tổ 16, phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T như sau:

Bà và ông Đỗ Trần Tú L xây dựng gia đình vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống và tính tình không hợp, hai vợ chồng

hay cãi vã nhau. Bà và ông L đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2016 đến nay và không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Trần Tú L.

Về quan hệ con chung: Bà và ông L có 01 con chung là Đỗ Minh T, sinh ngày 25/6/2013. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông L không có tài sản chung.

Bị đơn ông Đỗ Trần Tú L có ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh T về thời gian, điều kiện kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cãi vã lẫn nhau. Ông và bà T sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2016 đến nay và không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà T khởi kiện xin ly hôn thì ông xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T là ông bà có 01 con chung là Đỗ Minh T, sinh ngày 25/6/2013. Ly hôn, ông có nguyện vọng xin được nuôi con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định không có tài sản chung và cũng không nợ ai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Đỗ Trần Tú L.

Về con chung: Bà T và ông L có 01 người con Đỗ Minh T, sinh ngày 25/6/2013. Ly hôn, bà T và ông L đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con chung của các bên đương sự thì thấy: con Đỗ Minh T còn nhỏ, cần được sự chăm sóc của người mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng ông L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung bà T và ông L xác định không có nên Viện kiểm sát không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Đỗ Trần Tú L tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đỗ Trần Tú L xây dựng gia đình vào năm 2013, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/01/2013 (*Số 02/2013*; *Quyển số 01/2013*) tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tại phiên tòa bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn ông Đỗ Trần Tú L, ông L mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà T và ông L có 01 người con chung Đỗ Minh T, sinh ngày 25/6/2013. Ly hôn, bà T và ông L đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của các bên đương sự thì thấy: Việc giao con cho ai nuôi để đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của con là điều cần phải cân nhắc, cháu Đỗ Minh T còn nhỏ cần được sự chăm sóc của người mẹ, đồng thời thu nhập của bà T có đủ điều kiện nuôi con, chứng cứ chứng minh thu nhập thể hiện tại hồ sơ vụ án, trong khi đó ông L được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Như vậy, thiện chí nuôi con của ông L chưa đủ để Hội đồng xét xử chấp nhận nên yêu cầu nuôi con của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con bà T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự xác định không có nên không đề cập đến.

[7] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T về tranh chấp "Ly hôn" đối với ông Đỗ Trần Tú L.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Đỗ Trần Tú L.

2. Về con chung: Giao con Đỗ Minh T, sinh ngày 25/6/2013 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Đỗ Trần Tú L không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đều được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự xác định không có nên không đề cập đến.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 4022 ngày 31/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Hằng

Nơi nhận:
-Tòa án ND thành phố Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát ND TP Đà Nẵng;
-VKSND quận Thanh khê, TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.